

1. Đánh giá chung

1.1. Tình hình trang bị kỹ thuật trong sản xuất.

Trước đây trong thời kỳ bao cấp, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng và Chính quyền địa phương vẫn chú trọng đến việc chuẩn bị cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật cho ngành cơ khí quốc doanh, đầu tư trang bị máy móc phục vụ cho việc phát triển nông nghiệp trong tương lai theo hướng cơ giới hoá nông nghiệp bằng mạng lưới xí nghiệp cơ khí và trạm máy kéo đủ khả năng phục vụ cho một vùng nông thôn rộng lớn. Nhưng khi nền kinh tế chuyển đổi sang kinh tế thị trường, nhiều nhà máy bị ngừng

Từ số liệu trên, ta thấy:

Trong khâu làm đất, việc cơ giới hoá đã đạt tới 98%, 2% còn lại phải thực hiện thủ công, do phải xới lên lượng trồng rau màu là chủ yếu. Nhờ có trang bị kỹ thuật tốt, nên đã chủ động được khâu làm đất kịp thời vụ, giúp cho việc gieo sạ, chăm sóc lúa được thuận lợi. Tuy nhiên, thiết bị máy móc cho khâu làm đất vẫn còn lạc hậu, cũ kỹ dẫn đến tiêu hao nhiên liệu nhiều, năng suất thấp, giá thành sản xuất cao.

Về gieo trồng và bón phân, việc gieo trồng và bón phân hiện nay vẫn thực hiện bằng công cụ thủ công là chủ

XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở BẠC LIÊU

HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TS. VŨ ANH TUẤN

ngừng hẳn hột, chậm thích nghi và quản lý kém hiệu quả nên hầu hết các nhà máy này đã tan rã. Là vùng sản xuất nông nghiệp trù phú, nhưng sản xuất chủ yếu theo phương pháp thủ công, năng suất thấp, đời sống nhân dân nông thôn còn thiếu thốn; cơ giới phục vụ nông nghiệp còn phần lớn còn mang tính thô sơ, phổ biến là công cụ cầm tay, xen kẽ có một số máy cày loại MTZ cũ của Liên Xô và vài chục chiếc máy xới tay, một số ít thùng suốt lúa, ..., chỉ mới đáp ứng 1/2 nhu cầu khâu làm đất, nên thường mùa vụ thực hiện không kịp thời. Các khâu khác trong sản xuất nông nghiệp đều do lao động thủ công thực hiện nên hiệu quả kinh tế không cao, dẫn đến đại bộ phận nhân dân lao động bỏ công sức nhiều nhưng vẫn nghèo.

Từ khi có Nghị quyết TW5 (khóa VII) và Nghị quyết TW8 (khóa VIII) đã khơi dậy sinh lực trong chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nông thôn có sự khởi sắc. Từ năm 1997 đến nay, được thừa hưởng chương trình " ngọt hoá " bán đảo Cà Mau theo chủ trương của Chính phủ đã mang lại cho tỉnh Bạc Liêu được cả một vùng đất rộng lớn canh tác có khả năng thâm canh, tăng vụ, tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá mở ra nhu cầu to lớn cho việc cơ giới hoá với những máy móc, thiết bị hiện đại hơn, ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao. Do đó, những năm gần đây việc đầu tư trang bị có sự tiến bộ rõ rệt. Song, so với yêu cầu vẫn còn nhiều hạn chế cần được quan tâm. Sau đây là biểu tổng hợp tình hình trang bị kỹ thuật trong sản xuất qua các năm 1997, 1998, 1999 (xem bảng sau)

Bảng: Tình hình trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp

Tên thiết bị	ĐVT	Qua các năm		
		1997	1998	1999
Máy cày	Chiếc	352	359	365
Máy cày tay	Chiếc	1622	1686	1800
Máy tuốt lúa	Cái	1269	1319	1500
Máy gặt lúa	-	-	-	5
Máy bơm nước	-	4769	4859	5000
Máy sấy lúa	-	-	-	153
Máy xay lúa	-	296	-	314
Máy nghiền thức ăn gia súc	-	1	1	2

Nguồn : Cục thống kê Bạc Liêu

yếu, vừa làm cho chi phí tăng do năng suất lao động thấp, vừa không tạo ra sự đồng nhất theo yêu cầu đòi hỏi của từng loại giống có mật độ phân bố nhất định trong việc gieo sạ và bón phân.

Về tưới tiêu, đây là khâu quan trọng giúp cho cây trồng sinh trưởng và chủ động khắc phục khi mưa lũ. Nước tưới, tiêu rất cần cho vùng canh tác rộng lớn khi mà hệ thống kênh mương thủy lợi chưa hoàn chỉnh, vùng sản xuất nhiều vụ đòi hỏi luôn luôn chủ động về nước, nhưng thời gian qua việc thực hiện còn mang tính cá thể, nhỏ lẻ phân tán, làm tốn kém nhân lực, chi phí bơm nước rất cao. Toàn tỉnh chỉ mới xây dựng được 2 công trình bơm nước tưới tiêu tập trung, phục vụ sản xuất cho hai huyện Hồng Dân và Vĩnh Lợi. Do công suất nhỏ nên chi phí vẫn còn rất cao.

Thu hoạch, đây là khâu chiếm nhiều lao động và là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất nông nghiệp, có nhiều ảnh hưởng tác động đến số lượng và chất lượng hàng hóa nông sản trong thời vụ thu hoạch và bảo quản sản phẩm trong nông nghiệp: khi thu hoạch, việc thu hoạch hiện nay bằng sức người là chính vừa tốn nhiều thời gian, vừa gây ra sự hao hụt cao đối với sản phẩm nhất là trong mùa mưa lũ. Việc áp dụng phổ biến cơ giới hoá khi thu hoạch bằng máy gặt, máy gặt đập liên hoàn, tuy vốn đầu tư lớn nhưng rất có lợi- đảm bảo thu hoạch nhanh gọn, giảm chi phí hao hụt (tính hao hụt tối thiểu 10% tổng sản lượng lúa cho khâu thu hoạch trong thời vụ) còn hạn chế; sau thu hoạch, tỉnh Bạc Liêu cũng như vùng đồng bằng sông Cửu Long nằm trong vùng nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của hai mùa mưa, nắng rõ rệt, trong điều kiện nóng ẩm, mưa nhiều đòi hỏi nông sản phải được làm khô và sơ chế nhanh, nếu chỉ tính bình quân lượng nông sản tồn thất do hao hụt đối với lúa là 2- 4% khi thu hoạch kịp thời vụ, còn nếu không kịp thời vụ lượng tồn thất có thể lên đến 8- 12%. Tình hình trên cho thấy, công nghệ bảo quản sau thu hoạch còn lạc hậu, qui mô nhỏ lẻ. Lò sấy hiện nay phổ biến chỉ đạt công suất 4 tấn/mẻ và chỉ tập trung ở các cơ sở xay xát. Việc áp dụng kỹ thuật trong khâu bảo quản nông sản còn hạn chế, chỉ mới đáp ứng 20% và gặp nhiều bất lợi khi mưa bão.

1.2. Tình hình kết cấu hạ tầng sản xuất và đời sống.

Thứ nhất, tình hình thủy lợi, thủy nông nội đồng. a. Hệ thống đê biển Đông nằm ven rừng phòng hộ biển Đông tiếp giáp Sóc Trăng đến thị trấn Gành Hào, qua hơn 20 năm xây dựng và sử dụng, đến nay bị xuống

cấp nghiêm trọng, không còn tác dụng như một công trình để phòng chống thiên tai, ngăn nước triều cường biển Đông. Thực tế cho thấy qua cơn bão số 5 năm 1997, nước biển đã tràn qua đê gây thiệt hại cho sản xuất và khu dân cư trong vùng.

b. Hệ thống đê sông bờ bao. Nhìn chung các công trình ngăn mặn đê đập, cống, bọng, bờ bao: cho đến nay đã có tác dụng nhất định trong việc ngăn mặn đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp nhất là hệ thống cống bọng ven quốc lộ 1A. Mặc dù vậy, so với yêu cầu mở rộng diện tích trồng trọt và ngăn mặn triệt để thì số lượng, qui mô công trình đê sông ngăn mặn hiện nay chưa đáp ứng được. Hiện trạng đê bao toàn tỉnh như sau: tổng chiều dài hệ thống đê sông, bờ bao là 2.514 km. Trong đó, đê sông là 413 km, chiều dài bờ bao là 2.101 km. Việc đầu tư hệ thống đê sông, bờ bao đang đặt ra cấp bách để bảo vệ sản xuất của tỉnh, nhất là vùng thích nghi.

c. Hệ thống sông, kênh rạch các cấp. Qua các năm đầu tư tập trung cho các công tác thủy lợi nhất là giai đoạn 1999, hệ thống thủy lợi tỉnh Bạc Liêu đã dần được hoàn thiện.

Nhìn chung số lượng kênh cấp 1, cấp 2 trong vùng Bắc quốc lộ 1A vùng "ngọt hoá" đã gần hoàn chỉnh theo dự kiến quy hoạch trước mắt và được đầu tư nhiều hơn so với vùng nam quốc lộ 1A vùng "thích nghi". Tuy nhiên, trong vùng "ngọt hoá" chưa được đẩy mạnh đầu tư cho hệ thống thủy lợi, nên chưa tạo điều kiện cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ và phương thức canh tác. Theo số liệu thống kê, hiện trạng thủy lợi toàn tỉnh như sau:

- Sông rạch, kênh trục và kênh cấp 1 là 33, với tổng chiều dài là 607 km.

- Kênh cấp 2 và cấp 3 vượt cấp là 297, tổng chiều dài là 1.548 km. Đã thực hiện được 11 dự án ô thủy lợi, đầu tư xây dựng trên 100 kênh, theo qui hoạch số kênh còn lại phải được nạo vét và đào mới.

- Kênh cấp 3 nội đồng: Tổng chiều dài là 1.129 km đã thực hiện được khoảng 30% so với yêu cầu; hệ thống kênh cấp 3 trong vùng "ngọt hoá" hiện nay đang được đầu tư tập trung ở vùng sản xuất lúa ổn định, đạt tỷ lệ khoảng 50% so với yêu cầu qui hoạch; trong vùng "thích nghi", hệ thống kênh cấp 3 phân bố không hợp lý và còn thiếu, có nơi mới chỉ đầu tư đạt tỷ lệ 10-15%. Hầu hết đầu các kênh cấp 3 còn thiếu cống bọng để điều tiết nước và ngăn mặn.

d. Hệ thống cống ngăn mặn: Nhìn chung các công trình xây dựng cho đến nay còn chưa nhiều. Điều đó biểu hiện: tổng số cống bọng dọc quốc lộ 1A là 23, bọng ngăn mặn là 149 cái, số lượng cống bọng còn ít do đó công tác điều tiết nước và ngăn mặn còn gặp nhiều khó khăn.

e. Hiện trạng hệ thống trạm bơm, máy bơm: Trong thời gian qua, tỉnh đã đầu tư xây dựng 2 trạm bơm di động và 2 trạm bơm cố định, nhưng chỉ mới làm thí điểm. Thực tế hiện nay việc bơm nước chủ yếu là do các hộ sản xuất chủ động mua các loại máy bơm nhỏ để phục vụ sản xuất.

Thứ hai, tình hình nước sạch nông thôn.

Những năm gần đây chương trình nước sạch nông thôn đã được xúc tiến với sự quan tâm của TW, sự tài trợ của UNICEP, sự đầu tư của ngân sách địa phương cùng với nguồn vốn của dân, hàng ngàn công trình nước sinh hoạt đã được đưa vào sử dụng, song chủ yếu là các giếng khoan nhỏ lẻ, nhiều giếng chất lượng kém, hiệu quả của loại hình giếng nhỏ phục vụ ít người. Theo kết quả điều tra đánh giá của Trung tâm nước Trung ương đến cuối năm 1998, tỉnh Bạc Liêu mới có 32% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch, nhờ có sự tập trung đầu tư nên đến năm 1999 tỷ lệ này là 35%.

Thứ ba, về giao thông nông thôn.

Đầu tư phát triển giao thông nông thôn được kết hợp chặt chẽ với xây dựng thủy lợi. Thực hiện Quyết định 99/TTg của Thủ tướng chính phủ, qua 3 năm từ 1997- 1999 cho thấy đã huy động được mọi nguồn lực đạt mức cao nhất

từ trước đến nay, đặc biệt là huy động sức dân, tạo ra phong trào mạnh mẽ và rộng khắp trong việc xây dựng giao thông nông thôn. Đến nay, đã có 48% số xã (25/52 xã) có đường ô tô đến trung tâm xã cả mùa mưa; cầu khỉ, cầu tạm dần dần được thay thế bằng cầu cơ bản và cầu bê tông; khối lượng vận chuyển và luân chuyển hành khách, hàng hoá được dịch chuyển dần từ đường thủy sang đường bộ.

Tổng vốn đầu tư 3 năm (1997-1999) là 184 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn trung ương: 5 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh: 48 tỷ đồng.

- Vốn ngân hàng thế giới: 7,2 tỷ đồng.

- Vốn và ngày công huy động quy thành tiền do nhân dân đóng góp: 123,8 tỷ đồng.

Tổng số công trình đã thực hiện: 4.119 công trình, bao gồm:

- Đường giao thông: 705 công trình, trong đó:

+ Đường nhựa: 53 km (có 19,45 km đường bê tông nhựa).

+ Đường trải đá: 119,54 km.

+ Đường xi măng: 468 km

+ Đường trải đất đỏ: 217 km

+ Đường đất đen: 1.445 Km

- Cầu giao thông: 3.414 công trình, trong đó:

+ Cầu cơ bản & bán cơ bản: 508 công trình

+ Cầu gỗ địa phương: 1.977 công trình

+ Sửa chữa cầu giao thông: 914 công trình

+ Cống bê tông phục vụ giao thông: 14 công trình

+ Kè bê tông: 1 công trình

Qua khảo sát thực trạng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từ các số liệu có thể rút ra một số nhận xét:

Hệ thống công trình thủy lợi (bao gồm cống, bọng, đê, đập, kênh mương, trạm, máy bơm hộ nhân dân...) trong những năm qua đã từng bước góp phần to lớn vào việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tuy vậy, hệ thống thủy nông nội đồng phát triển còn chậm nên việc phát huy các công trình lớn & công trình đầu mối còn hạn chế.

Mặc dù tỉnh đã có sự quan tâm đầu tư, đã huy động các nguồn lực trong nhân dân để thực hiện chương trình nước sạch ở nông thôn, đã nâng cao tỷ lệ các hộ dân cư nông thôn dùng nước sạch năm 1999 có tăng hơn 3% so với năm 1998 (năm 1998 là 32%). Song nhịp độ tăng còn chậm; công trình nước sạch chủ yếu là giếng khoan nhỏ lẻ, chất lượng kém chưa đáp ứng được hộ gia đình nhiều khẩu.

Trên mặt trận giao thông vận tải 3 năm qua (1997-1999) có nhiều tiến bộ, song nhìn chung chất lượng giao thông ở nông thôn còn thấp, chưa đồng bộ, chưa bảo đảm phát triển giao lưu vận chuyển bằng đường bộ khi mưa lũ ở nông thôn.

2. Định hướng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ ở Bạc Liêu đến năm 2010.

Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ là một trong những nội dung cơ bản của CNH, HĐH nói chung và nông nghiệp, nông thôn nói riêng. Cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ bao gồm cả kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Sự phát triển sẽ thông qua 2 con đường nội sinh và ngoại sinh. Song CNH, HĐH ở một tỉnh, nhất là CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, con đường nội sinh phải đặt trong tổng thể cả nước, phải biết sử dụng phép lợi thế so sánh. Vì vậy, hướng phát triển công nghệ nội sinh ở Bạc Liêu không nên coi là con đường chủ yếu, mà con đường ngoại sinh mới là chủ yếu. Bởi lẽ, việc tự nghiên cứu, tự chế tạo máy móc thiết bị, dùng nó để trang bị không phải là thế mạnh của Bạc Liêu. Hướng phát triển công nghệ sản xuất tư liệu sản xuất ở Bạc Liêu thời kỳ 1997-2010 nên đi vào công nghiệp sửa chữa, chế tạo phục vụ khai thác chế biến nông, lâm, ngư nghiệp với qui mô nhỏ và vừa.

Trong thời đoạn 2001-2010, Bạc Liêu nên coi trọng

con đường ngoại sinh, nhận chuyển giao kỹ thuật công nghệ mới từ nước ngoài và các địa khác trong nước, nhất là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng..., để nhanh chóng ứng dụng nhằm rút ngắn khoảng cách lạc hậu về kỹ thuật công nghệ. Kinh nghiệm của Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore... Cho ta thấy thời kỳ đầu họ ứng dụng là chủ yếu đồng thời tạo nền rồi sau đó mới chế tạo. Với quan điểm nói trên, mô hình cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ phát triển theo hướng sau:

Một là, thông qua con đường ngoại sinh, con đường nhận chuyển giao kỹ thuật công nghệ để nhanh chóng trang bị kỹ thuật & ứng dụng công nghệ mới vào các ngành trong tỉnh.

Đẩy mạnh việc trang bị kỹ thuật mới cho nông nghiệp, nông thôn. Việc trang bị kỹ thuật mới cho nông nghiệp và nông thôn nhằm giảm dần lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm. Trước mắt cần trang bị kỹ thuật làm đất (cày bừa, đào đất), thu hoạch, bảo quản sản phẩm trong ngành nông nghiệp theo nghĩa hẹp. Coi trọng việc trang bị kỹ thuật cho ngành khai thác kinh tế biển; cải tiến và đổi mới công nghệ chế biến, hiện đại hoá các ngành nghề truyền thống để sản phẩm hàng hoá có sức cạnh tranh cao.

Coi trọng việc ứng dụng công nghệ mới vào các ngành trồng trọt, chăn nuôi, ngư nghiệp, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nhằm tạo ra những sản phẩm có năng suất cao, chất lượng tốt, giá thành hạ.

Hai là, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Trong tư liệu lao động, kết cấu hạ tầng kinh tế là một bộ phận, mặc dù không gia nhập trực tiếp vào sản phẩm nhưng lại rất cần thiết không thể thiếu được, do vậy phải đầu tư đi trước một bước việc xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng ngày một đồng bộ và hiện đại, tạo "nền tảng" cho CNH, HĐH.

Về năng lượng đầu tư đi trước một bước. Năng lượng điện là một trong những ngành kết cấu hạ tầng, là điều kiện tiên đề đảm bảo sự thực hiện thành công CNH. Thực tiễn đến năm 2000 sản lượng điện thương phẩm toàn tỉnh đạt 65 triệu kwh, bình quân sử dụng điện đầu người khoảng 80kwh; đưa điện về 100% các trung tâm xã, 50-55% số hộ dân được dùng điện và đến năm 2010 hoàn thành chương trình điện khí hoá nông thôn. Về dài hạn, đến năm 2010 sản lượng điện thương phẩm toàn tỉnh dự kiến đạt trên 100 triệu kwh, sử dụng điện bình quân đầu người đạt 120 kwh/năm.

Hiện nay, tỉnh đã xây dựng được 1.190 km đường dây trung thế, 785 km đường dây hạ thế, dung lượng trạm đạt 19.625 KVA.

Ở các vùng nông thôn hẻo lánh, vùng sâu vùng xa, cần có những dự án xây dựng các nguồn điện ngoài lưới điện quốc gia như: máy phát điện, điện mặt trời, để tiến tới trong giai đoạn 2000-2010 sẽ thực hiện mục tiêu điện khí hoá 100% xã, phường trong tỉnh.

Hệ thống thủy lợi: Theo qui hoạch thủy lợi, hiện nay các kênh lớn (cấp 1) cơ bản đã xây dựng xong. Quá trình hình thành bán đảo Cà Mau nói chung và Bạc Liêu nói riêng là đất chứa nhiều phèn và mặn. Do đó, việc xây dựng khép kín và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi là một yêu cầu cấp bách hiện nay. Chỉ có hệ thống khép kín mới đảm bảo ngăn mặn, giữ ngọt, tưới tiêu chủ động, hạn chế tối đa nhiễm mặn-phèn. Hệ thống thủy lợi nuôi tôm biển, ngoài yêu cầu khép kín còn phải đáp ứng yêu cầu chống bồi lắng kênh mương và đầm nuôi. Công tác thủy lợi càng giải quyết sớm bao nhiêu thì càng đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp ổn định và bền vững bấy nhiêu.

Hệ thống giao thông vận tải: Mạng lưới giao thông phát triển là điều kiện tiên đề cho nhiều ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư nước ngoài và các địa phương khác đầu tư vào Bạc Liêu. Cần có cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế

và dân cư tham gia đóng góp xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Phân bố hợp lý mạng lưới giao thông vận tải các loại: thủy, bộ, biển, tạo cơ hội phát triển các mối quan hệ với các trung tâm đô thị lân cận đặc biệt là các thị xã và các thành phố lớn. Ngoài đường quốc lộ 1A được nâng cấp vào năm 2000, cần nâng cấp tuyến lộ Cầu Sập-Ninh Quới-Ngan Dừa nối với các quốc lộ 63, 60 và tỉnh lộ 38.

Trong thời gian tới phải đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình giao thông trọng điểm như: Bạc Liêu-Nhà Mát, Cầu Sập-Ngan Dừa, Giá Rai-Gành Hào-Hiệp Thành-Xiêm Cán-Cầu Sập-Vĩnh Hưng tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp tập trung: Bạc Liêu, Hộ Phòng, Gành Hào, và cụm công nghiệp Phước Long-Ngan Dừa huyện Hồng Dân. Hình thành các cảng cá thương mại Nhà Mát-Gành Hào, kết hợp phát triển du lịch. Hướng phát triển đường bộ chủ yếu về các vùng nông thôn gồm 3 cấp đường: liên tỉnh lộ, tỉnh lộ và huyện lộ.

Về cấp thoát nước, đến năm 2000, nâng cấp và mở rộng nhà máy nước hiện có, cải tạo hệ thống ống dẫn ở thị xã Bạc Liêu. Để phục vụ tốt cho khu công nghiệp Trà Kha nên nghiên cứu xây dựng tiếp một nhà máy nước đảm bảo đủ nước cung cấp cho sinh hoạt của dân cư và cho nhu cầu của sản xuất công nghiệp.

Trong thời gian tới, mỗi thị trấn cần xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, còn các thị tứ và vùng nông thôn thì xây dựng hệ thống cấp nước theo cụm nhỏ hoặc, các cây nước riêng lẻ. Đến năm 2010, công suất cung cấp nước thành thị ít nhất phải tăng từ 3-4 lần so với hiện nay. Để đồng bộ với mức tăng công suất thì hệ thống dẫn nước sạch phải tăng lên khoảng 5-6 lần chiều dài so với hiện nay, để đến năm 2010 đạt khoảng 85% dân số trong tỉnh được sử dụng nước sạch. Đi đôi với việc xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống nước thải cũng cần được quan tâm. Từ nay đến năm 2010 hầu như tất cả các hệ thống thải nước mưa và nước thải của thị xã Bạc Liêu và các thị trấn trong tỉnh đều cần được xây dựng mới.

Về thông tin liên lạc: Đến năm 2010, Bạc Liêu đạt khoảng 5 điện thoại/100 dân, năm 2005 là 8-9 máy và năm 2010 sẽ đạt 16-18 máy, đồng thời đến năm 2005 100% số xã có điện thoại.

Về kết cấu hạ tầng xã hội: Đẩy mạnh đầu tư cho giáo dục và y tế nông thôn, từ nay đến năm 2005 nâng tỷ lệ và số lượng người trong độ tuổi đi học ở mức cao hơn để đến năm 2010 đạt trình độ phổ cập trung học cơ sở, đảm bảo hầu hết người trong độ tuổi được đi học; nâng cao tỷ lệ số người có trình độ đại học, trên đại học; nâng cao tỷ lệ người được đào tạo nghề trong tổng lao động có việc làm. Về lĩnh vực y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân: trong thời gian từ nay đến 2010 loại hẳn bệnh sốt rét ra khỏi đời sống xã hội; chấm dứt không còn tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; nâng cao thể lực và tuổi thọ trung bình của con người đạt mức bình quân của cả nước. Cải thiện điều kiện nhà ở cho nhân dân, thiết kế các mẫu nhà thuận tiện, phù hợp với tập quán sinh hoạt, điều kiện thiên nhiên và cung ứng đầy đủ vật liệu xây dựng để từ đó nâng cao tỷ lệ hộ nhà kiên cố từ 15,2% năm 1997 lên 30% , nhà bán kiên cố từ 33,6% lên 50 % vào năm 2000 và 80% hộ có nhà kiên cố vào năm 2010 ■

Tài liệu tham khảo.

1. Bạc Liêu, Xuân canh thìn 2000
2. Niên giám thống kê, Cục thống kê Bạc Liêu 1999
3. Số liệu báo cáo của các sở công nghiệp, NN & PTNT, GTVT và thủy sản tỉnh Bạc Liêu.
4. Số liệu điều tra của ban nghiên cứu đề tài CNH, HĐH ở tỉnh Bạc Liêu.